UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LY TU TRONG COLLEGE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Đợt: HK 2 (2020 - 2021) **Ngày thi: / /2021** **Nhóm:**

Môn học phần: 0714001618 - Hóa học 4 **Giờ thi:** **Phòng:**

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã LHP	Mã đề	Ký tên	Điểm	
								Bằng số	Bằng chữ
1	18001058	Hoàng Hữu Quốc	Huy	04/06/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 1		**6.5**	Sáu năm
2	18000653	Nguyễn Minh	Huy	25/04/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 2		**7.8**	Bảy tám
3	18000681	Nguyễn Đại	Lợi	28/12/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 3		**7.3**	Bảy ba
4	18000470	Trần Đặng Hà	Nhi	28/06/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 4		**7.8**	Bảy tám
5	18000871	Nguyễn Vũ Minh	Quân	29/03/2002	18T4-TKĐ1	Đề tài số 5		**8.0**	Tám chẵn
6	18000832	Nguyễn Nhật	Tân	17/03/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 6		**8.0**	Tám chẵn
7	18000926	Đỗ Như	Thụy	24/05/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 7		**7.8**	Bảy tám
8	18000516	Võ Trần Hợp	Tiến	17/01/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 8		**5.0**	Năm chẵn
9	18000510	Trần Bảo	Trí	25/05/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 9		**6.3**	Sáu ba
10	18001274	Lương Ngọc Hoa	Ban	03/07/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 11		**9.3**	Chín ba
11	18001102	Mai Hữu	Danh	06/09/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 12		**0.0**	Không điểm
12	18005710	Nguyễn Hữu	Đạt	16/10/2000	18T4-TKĐ1	Đề tài số 13		**7.3**	Bảy ba
13	18000226	Từ Quang	Dũng	01/01/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 14		**6.5**	Sáu năm
14	18000434	Hồng Châu	Hoàn	06/12/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 15		**7.3**	Bảy ba
15	18000656	Nguyễn Duy	Khang	16/07/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 16		**6.8**	Sáu tám
16	18000942	Nguyễn Tiến Đăng	Khoa	28/10/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 17		**7.8**	Bảy tám
17	18000375	Vũ Anh	Kiệt	07/08/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 18		**7.5**	Bảy năm
18	18001334	Nguyễn Công	Nghĩa	19/12/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 20		**7.5**	Bảy năm
19	18000450	Phạm Minh	Nhật	13/08/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 21		**5.8**	Năm tám
20	18000684	Hồ Đỗ Tú	Nhi	19/12/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 22		**7.3**	Bảy ba
21	18001018	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	14/06/2002	18T4-TKĐ1	Đề tài số 23		**8.0**	Tám chẵn
22	18001190	Nguyễn Hùng	Phát	01/06/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 31		**6.0**	Sáu chẵn
23	18000737	Nguyễn Tấn	Phát	22/11/2002	18T4-TKĐ1	Đề tài số 25		**5.3**	Năm ba
24	18001347	Lâm Tuấn	Phong	06/02/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 26		**8.3**	Tám ba
25	18005711	Hoàng	Phú	21/10/1999	18T4-TKĐ1	Đề tài số 27		**7.3**	Bảy ba
26	18000802	Nguyễn Ngọc	Tài	28/11/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 28		**7.8**	Bảy tám
27	18000675	Phạm Phú	Thịnh	10/09/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 29		**9.3**	Chín ba
28	18000342	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/08/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 30		**8.0**	Tám chẵn
29	18001056	Nguyễn Ngọc Thành	Trí	09/09/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 32		**6.8**	Sáu tám
30	18000372	La Đạo	Trung	15/10/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 34		**6.8**	Sáu tám
31	18000501	Huỳnh Nhật	Trường	16/06/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 36		**7.3**	Bảy ba
32	18001067	Trần Hùng	Văn	23/02/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 38		**6.0**	Sáu chẵn
33	18001197	Nguyễn Lê Tường	Vy	18/05/2003	18T4-TKĐ1	Đề tài số 40		**8.3**	Tám ba
34									
35									
36									
37									
38									
39									
40									
41									

42									
43									
44									

Ghi chú:

Danh sách gồm 33 sinh viên.

Số dự kiểm tra là __32____ sinh viên.

Số vắng kiểm tra là __01___ sinh viên.

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Phương Hà

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Văn Bình

TP. HCM, ngày …… tháng …… năm 20

Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú

)……